TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 25-01-2018
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Diền

2. Bà Võ Thị Thúy An

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận *tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1/ Bà Đỗ Kim L, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh C; có mặt.

2/ Ông Trần Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh C; vắng mặt.

- *Bị đơn*:

1/ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1955; địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh K; vắng mặt.

2/ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2017, nguyên đơn bà Đỗ Kim L và ông Trần Văn T trình bày: Bà L có tham gia các dây hụi do bà Phạm Thị N làm chủ hụi, cụ thể như sau: Ngày 25/3/2011, bà có tham gia 01 dây hụi 500.000 đồng, bà chơi 03 chân hụi và đóng được 18 lần với trị giá 27.000.000 đồng nhưng bà N chỉ tính cho bà được 17 lần với trị giá là 25.500.000 đồng; Ngày 10/11/2011, bà có tham gia 01 dây hụi 1.000.000 đồng, bà chơi 01 chân hụi và đóng được 13 lần với số tiền là 13.000.000 đồng; Ngày 15/01/2011, bà có tham gia 01 dây hụi 1.000.000 đồng, bà chơi 01 chân và đóng được 11 lần với số tiền là 11.000.000 đồng; Tổng số tiền bà L đã tham gia chơi hụi của bà N là 51.000.000 đồng. Bà N yêu cầu trừ tiền hoa hồng tổng cộng 1.750.000 đồng. Đối với số tiền bà N còn thiếu trong dây hụi ngày 25/3/2011, bà L không yêu cầu bà N phải trả. Như vậy, tổng số tiền bà N còn nợ bà L là 47.750.000 đồng. Tuy nhiên do thấy hoàn cảnh của ông Q, bà N khó khăn nên bà L chỉ yêu cầu ông Q, bà N trả 47.500.000 đồng. Bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn Q phải trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 47.500.000 đồng và không có yêu cầu nào khác.

Tại các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Phạm Thị N trình bày: Bà N thống nhất có thiếu tiền hụi của bà L là 47.500.000 đồng. Bà thống nhất trả 47.500.000 đồng cho bà L, trả thành nhiều lần, mỗi năm trả 4.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 30/12/2018 cho đến khi hết số nợ.

Tại các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông Q thống nhất với lời trình bày của bà N và không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được; Ông Q, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét thấy: Các bên đương sự đều thống nhất nội dung bà L làm hụi viên, ông Q và bà N làm chủ hụi. Quá trình tham gia đóng và giao hụi thì vợ chồng ông Q, bà N còn nợ lại bà L tổng số tiền hụi là 47.500.000 đồng. Xét

thấy ông Q, bà N đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 29 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, bêu, phường. Số tiền mà bà L yêu cầu trả là 47.500.000 đồng. Ông Q, bà N cũng thống nhất trả cho bà L 47.500.000 đồng. Sự việc được các bên thừa nhận nên HĐXX căn cứ Điều 92 (quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh) của Bộ Luật Tố tụng dân sự công nhận đó là sự thật. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu trả số tiền hụi còn thiếu là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc vợ chồng ông Q, bà N có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền là 47.500.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu xin trả mỗi năm 4.000.000 đồng của ông Q và bà N không được nguyên đơn bà L chấp nhận nên HĐXX không có cơ sở ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và L phí Tòa án. Ông Q, bà N phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là 47.500.000 đồng x 5% = 2.375.000 đồng.

Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí là 1.187.000 đồng theo biên lai thu số 0005421 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, Điều 147, Điều 207, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Kim L và ông Trần Văn T về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*" với vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị N.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị N trả cho bà Đỗ Kim L và ông Trần Văn T số tiền là 47.500.000 đồng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị N không trả số tiền trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2- Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị N phải chịu án phí là 2.375.000 đồng.

Bà Đỗ Kim L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.187.000 đồng theo biên lai thu số 0005421 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3- Nguyên đơn (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm